

DANH MỤC VẬT TƯ HOÁ CHẤT DỰ KIẾN SỬ DỤNG NĂM 2026

(kèm theo thư mời báo giá số/TM-YDCT-PHCN, ngày 22/10/2025)

Stt	Phân loại/ phân nhóm kỹ thuật	Tên hàng hoá	HÃNG/NƯỚC SẢN XUẤT	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	S/L	ĐƠN GIÁ (VAT)	THÀNH TIỀN
I		Vật tư tiêu hao						
1		Băng dính cá nhân y tế (KT: 19 mm x 72mm)			Miếng	1.204		
2		Băng dính lụa 2.5*5			Cuộn	696		
3		Bơm tiêm 5ml			Cái	2.440		
4		Bơm tiêm 1ml			Cái	30		
5		Bông thấm nước (1kg/gói)			Gói	86		
6		Lọ nhựa đựng mẫu PP 50ml			Lọ	50		
7		Cồn 70 độ (1 chai = 1000ml)			Chai	206		
8		Dây Garo (dây thắt mạch)			Sợi	40		
9		Ống nghiệm lấy máu K2 EDTA Nắp nhựa màu xanh			Ống	1.500		
10		Ống nghiệm lấy máu Heparin nắp nhựa màu đen			Ống	1.500		
11		Phim X quang 24 x30 cm			Hộp	6		
12		Phim X quang 30 x 40 cm			Hộp	1		
13		Phim khô laser 20x25cm			Hộp	16		
14		Que thử phân tích nước tiểu 10 thông số			Test	200		
15		Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Dengue NS1 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người			Test	30		
16		Dây thở oxy 2 nhánh người lớn			Cái	18		
17		Dây thở oxy mask Trẻ em			Cái	12		
18		Miếng dán điện cực			Cái	40		
19		Nẹp cổ cứng			Cái	6		
20		Băng thun			Cuộn	13		
21		Băng cuộn gạc 9 cm x2,5m			Cuộn	70		
22		Chỉ khâu phẫu thuật Black Silk			Cái	20		
23		Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 4/0, dài 75 cm, kim tròn, dài 20mm			Tép	220		
24		Dung dịch sát khuẩn tay 500 ml			Chai	304		
25		Que đè lưỡi gỗ			Cái	750		
26		Găng phẫu thuật tiệt trùng số 6.5 và 7			Đôi	960		

Stt	Phân loại/ phân nhóm kỹ thuật	Tên hàng hoá	HÃNG/NƯỚC SẢN XUẤT	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	S/L	ĐƠN GIÁ (VAT)	THÀNH TIỀN
27		Găng trần			Đôi	33.500		
28		Gel siêu âm			Lít	35		
29		Khẩu trang y tế 4 lớp kháng khuẩn			Cái	19.300		
30		Kim luồn tĩnh mạch 24G			Cái	10		
31		Kim luồn tĩnh mạch không cánh, không cổng bơm thuốc 22G			Cái	5.020		
32		Kim châm cứu dạng vĩ Nhôm tay cầm bằng đồng (0,3*25mm)			Cái	211.000		
33		Kim châm cứu dạng vĩ Nhôm tay cầm bằng đồng (0,3* 40 mm)			Cái	69.000		
34		Kim tiêm số 23			Cái	440		
35		Sonde dạ dày các số, các cỡ			Cái	10		
36		Sonde hút dịch các số			Cái	10		
37		Sonde Foley 2 nhánh các số, các cỡ			Cái	12		
38		Bì đựng nước tiểu có van xả + dây treo			Cái	5		
39		Sonde tiểu số 16			Cái	4		
40		Gạc Vaseline			Miếng	80		
41		Kim quang dẫn laser nội mạch			Chiếc	5.000		
42		Parafin			Kg	360		
43		Bộ thắt tháo			Bộ	2		
44		Gạc hút nước khổ 0,8			Mét	3.000		
45		Nhiệt kế thủy ngân			Cái	10		
46		Dao mổ phẫu thuật số 20			Cái	200		
47		Viên khử khuẩn (Natri diclorocyanurat)			Viên	200		
48		Nước Javel			Can	240		
49		Cloramin B			Kg	50		
II		Hóa chất, sinh phẩm						
50		ALB 440 - 10 x 44 ML			Hộp	2		
51		BIL T 330 - R1:6 X 44 ML , R2:6 X 11ML			Hộp	2		
52		CA 120 - 10 x 12 ML			Hộp	2		
53		CHOL 440 - 10 x 44 ML			Hộp	2		
54		CREA 275 - R1: 5 x 44 ML, R2: 5 x 11 ML			Hộp	3		
55		GGT 110 - R1 : 2 x 44 ML, R2: 2 X 11 ML			Hộp	3		
56		GLU 440 - 10 x 44 ML			Hộp	2		
57		AST/GOT 330 - R1:6 X 44 ML , R2:6 X 11ML			Hộp	3		

[illegible]